

# Bài 10. LUẬT DÂN SỰ



## IV.1. Những vấn đề chung về luật Dân sự

***1.1 Khái niệm***

***1.2 Đối tượng điều chỉnh***

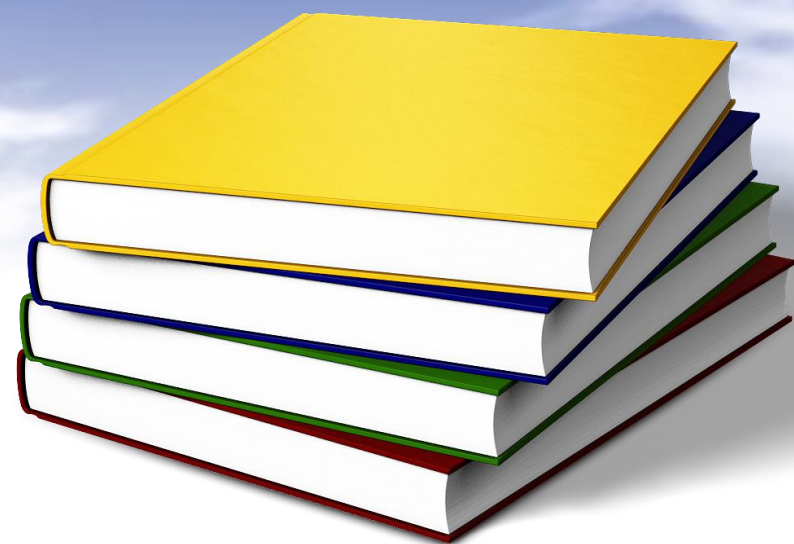
***1.3 Phương pháp điều chỉnh***

## IV.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự

***2.1 Chế định về quyền sở hữu***

***2.2 Chế định về quyền thừa kế***

***2.3 Chế định về hợp đồng dân sự***



# 1.1 KHÁI NIỆM

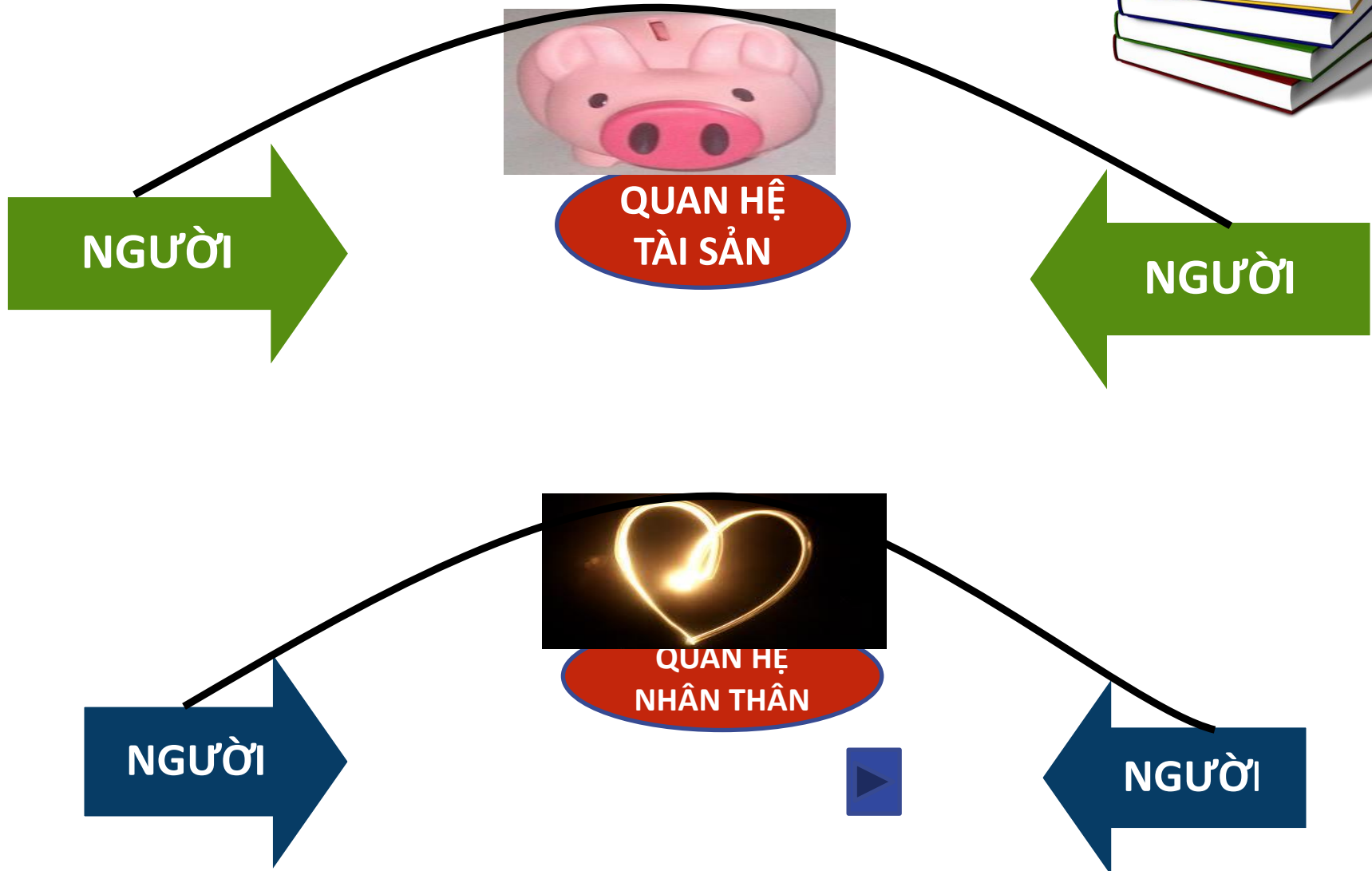


## LUẬT DÂN SỰ

Là một ngành luật độc lập

Tổng thể các QPPL nhằm điều chỉnh  
**các quan hệ tài sản & quan hệ  
nhân thân** trên **cơ sở bình đẳng,  
độc lập** của các chủ thể tham gia

# 1.2 Đối tượng điều chỉnh



# 1.2 Đối tượng điều chỉnh



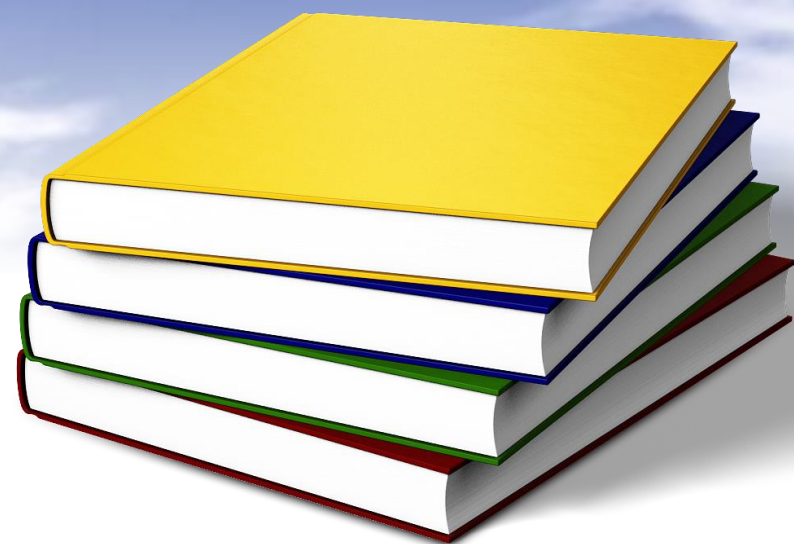
Có 2 loại quan hệ nhân thân:

- Quan hệ nhân thân không liên quan đến tài sản: là những quan hệ giữa người với người về những lợi ích tinh thần không liên quan đến tài sản như quan hệ về tên gọi, danh dự, nhân phẩm, uy tín của công dân hoặc tổ chức nhất định.
- Quan hệ nhân thân liên quan đến tài sản: là những quan hệ nhân thân là cơ sở làm phát sinh quan hệ tài sản tiếp sau.

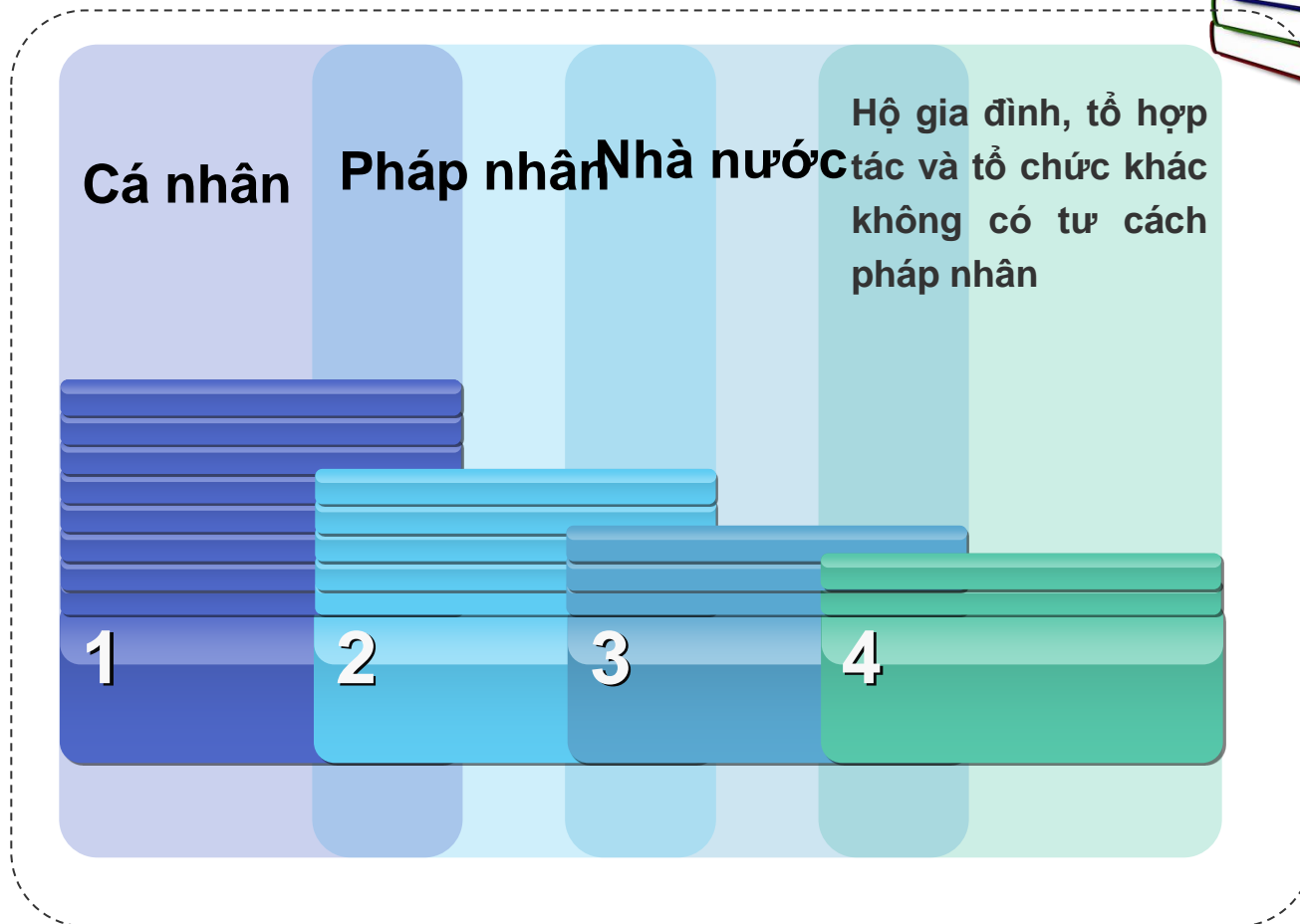
# 1.3 PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH



- Phương pháp bình đẳng
- Phương pháp thỏa thuận
- Phương pháp tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm bằng tài sản



# Chủ thể của QH PLDS







## *Cá nhân:*

- Người có quốc tịch Việt Nam
  - Người có quốc tịch nước ngoài
  - Người không có quốc tịch
- khi tham gia QHDS tại Việt Nam



# Năng lực PLDS

- Cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự
- Có từ khi sinh ra và chấm dứt khi cá nhân đó chết
- Nội dung gồm: quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản; quyền sở hữu, quyền thừa kế và quyền khác đối với tài sản; quyền tham gia QHDS và có nghĩa vụ phát sinh từ QH đó

# Năng lực hành vi dân sự



Mức độ NLHVDS	Tuổi/Khả năng nhận thức	Hậu quả pháp lý
Chưa có NLHVDS	0 tuổi đến 6 tuổi	mọi giao dịch DS do người đại diện theo PL thực hiện
NLHVDS chưa đầy đủ	đủ 6 t < 15 tuổi	GDDS phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi
	đủ 15 t < 18 tuổi	các GDDS phải đăng ký, khác phải có người đại diện theo PL đồng ý (VD di chúc); trừ BDS, ĐS
NLHVDS đầy đủ	đủ 18 tuổi	tham gia vào tất cả các GDDS
Hạn chế NLHVDS	người nghiện ma túy/chất kích thích khác và phá tài sản	GDDS liên quan đến tài sản do người đại diện theo PL đồng ý (trừ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày)
Khó khăn trong nhận thức...	chưa đến mức mất NLHVDS	GDDS do người giám hộ thực hiện trong phạm vi Tòa án quy định
Mất NLHVDS	Mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác	GDDS do người đại diện theo pháp luật thực hiện



## *Pháp nhân:*

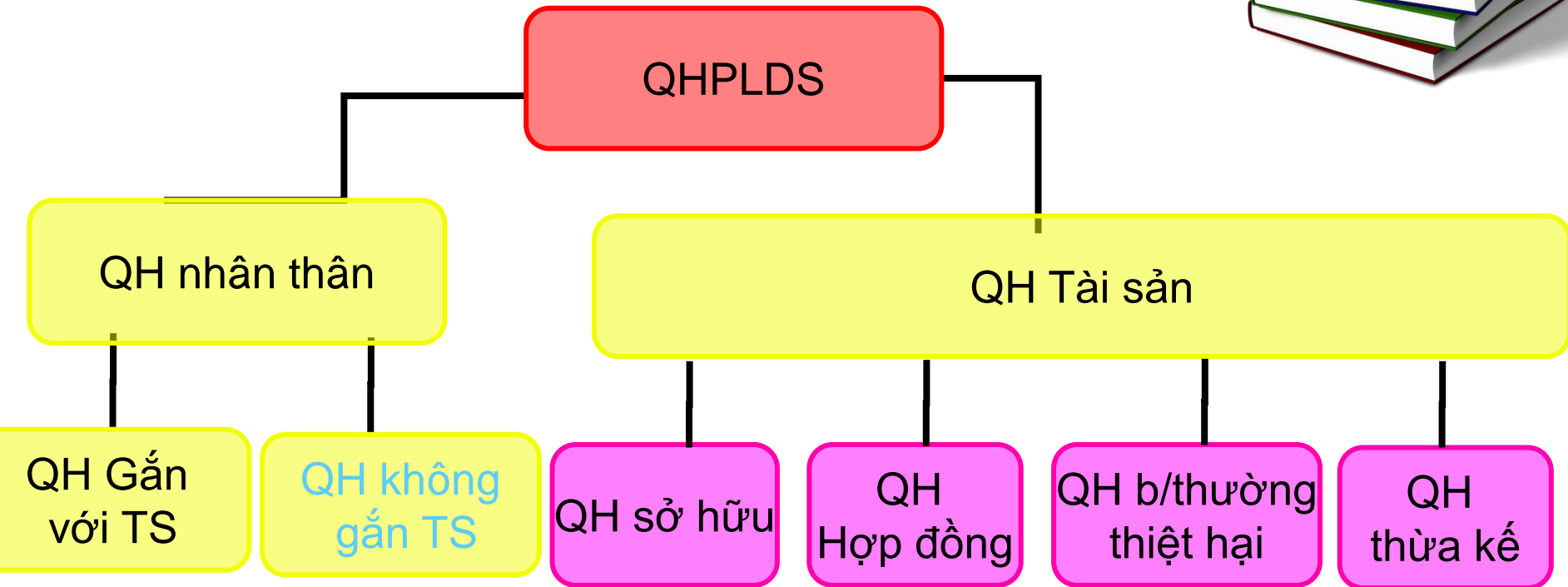
- (1) Được thành lập theo quy định của BLDS, luật khác có liên quan;
- (2) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 84 của BLDS 2014;
- (3) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- (4) Nhân danh mình tham gia QHPL một cách độc lập.



## *Các chủ thể khác:*

Các hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân khi tham gia QHDS thì các thành viên ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc pháp nhân đại diện thực hiện GDDS

# Các chế định cơ bản của PLDS



# 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



## 2.1 Chế định về quyền sở hữu

**Quyền sở hữu là phạm trù pháp lý gồm tổng hợp các QPPL điều chỉnh các quan hệ về sở hữu đối với các quan hệ vật chất trong xã hội.**

**Chủ thể: chủ sở hữu  
(Nhà nước, tập thể,  
tư nhân,...)**

**Các tư liệu sản xuất,  
tư liệu tiêu dùng  
trong xã hội**

**Quyền sở hữu bao  
gồm quyền chiếm  
hữu, quyền sử  
dụng, quyền định  
đoạt tài sản của chủ  
sở hữu theo quy  
định của PL.**



# 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



## 2.1 Chế định về quyền sở hữu

### Quyền sở hữu

#### QUYỀN CHIẾM HỮU

- Quyền của CSH tự mình nắm giữ hoặc quản lý tài sản thuộc sở hữu của mình.

#### QUYỀN SỬ DỤNG

- Quyền của CSH tự mình khai thác công dụng, hưởng hoa lợi hoặc lợi tức có được từ tài sản.

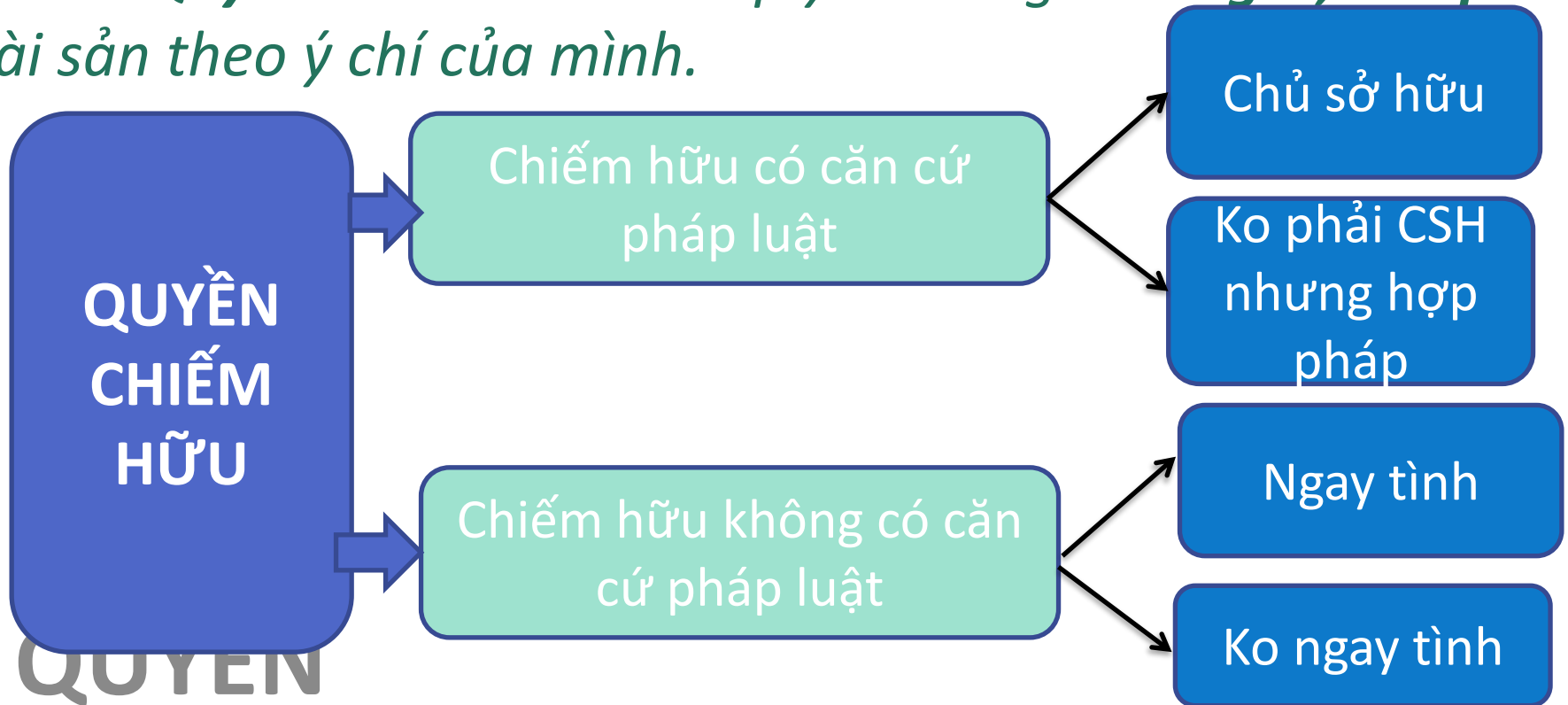
#### QUYỀN ĐỊNH ĐOẠT

- Quyền của CSH tự mình định đoạt tài sản thông qua việc chuyển giao QSH của mình cho người khác hoặc từ bỏ QSH đó.





*Quyền chiếm hữu là quyền năng nắm giữ, chi phối tài sản theo ý chí của mình.*



QUYỀN  
CHIẾM



Ông A sở hữu 1 chiếc xe máy Piagiô, do đi công tác, ông gửi nhờ nhà ông B. Vì biết ông A rất quý chiếc xe, ông B trông rất cẩn thận. Buổi tối khi ông B đi ngủ, con ông B là C đã lấy chiếc xe đi chơi đêm. Đi chơi thế nào lại để D và E ăn trộm xe. D và E sau đó đã bán lại chiếc xe cho ông F.

**Xác định việc chiếm hữu của A, B, C, D, E, F đối với chiếc xe?**



*Quyền sử dụng là một quyền năng mà PL quy định cho CSH (hoặc người chiếm hữu hợp pháp) được phép **khai thác những công dụng của tài sản, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản** nhằm đáp ứng các nhu cầu của mình .*

→ Muốn khai thác công dụng của tài sản, trước hết người sử dụng phải thực hiện hành vi chiếm hữu → quyền chiếm hữu thường được coi là tiền đề của quyền sử dụng.

QUYỀN  
SỬ



Định đoạt  
về số phận  
thực tế

AT

Định đoạt  
về số phận  
pháp lý

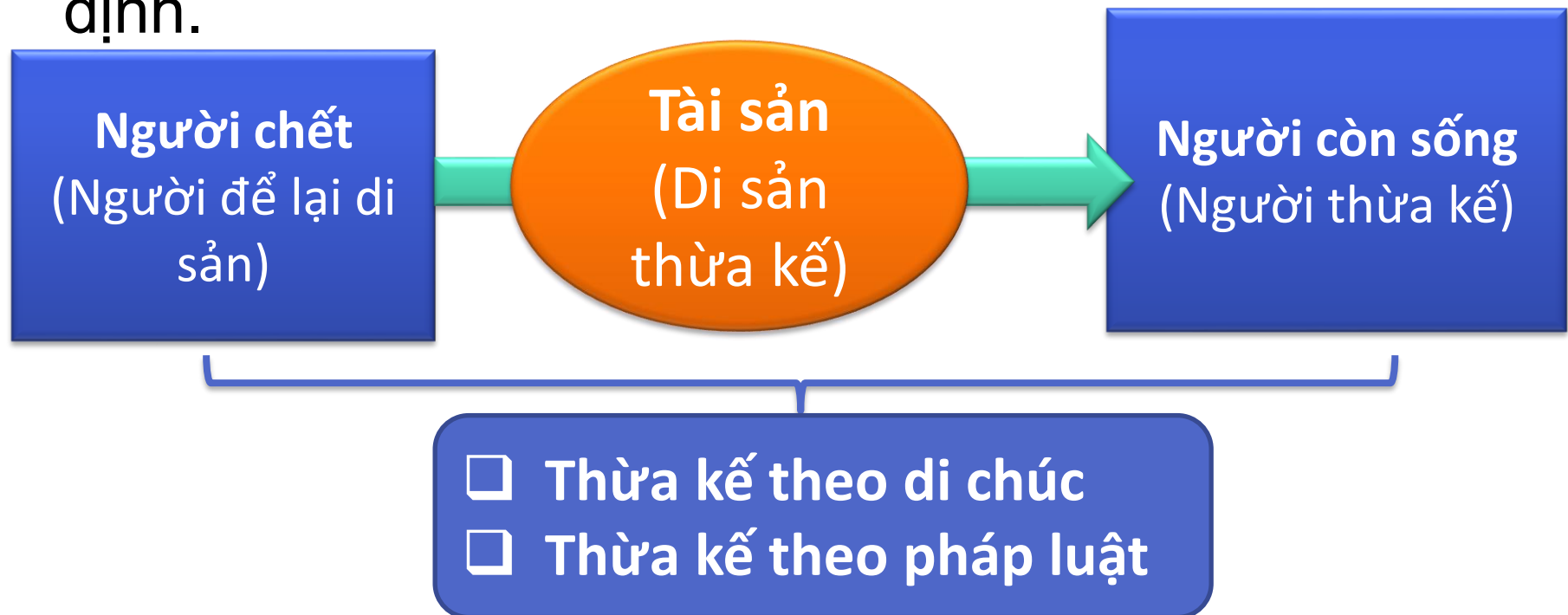


# 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



## 2.2 Chế định về quyền thừa kế

- Là quyền chuyển dịch tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo trình tự luật định.



## Người để lại di sản

- Cá nhân
- Có di chúc: phải đủ 18 tuổi trở lên hoặc từ đủ 15 – dưới 18t nếu cha,mẹ/người giám hộ đồng ý

## Người thừa kế

- Cá nhân: phải còn sống/thành thai còn sống vào thời điểm mở thừa kế
- Tổ chức: còn tồn tại
- Nhà nước





## Hình thức thừa kế

### Thừa kế theo di chúc

Là việc chuyển di sản của người chết cho người sống theo sự định đoạt của người có di chúc lập ra khi họ còn sống.

### Thừa kế theo pháp luật

Là việc di chuyển di sản của người chết cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật





## THỪA KẾ THEO DI CHỨC

Di chúc	Là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết
Di chúc hợp pháp	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người lập di chúc: đủ 18 tuổi có NLHVDS đầy đủ (đủ 15-dưới 18t nếu được cha, mẹ / người giám hộ đồng ý)</li><li>2. Người lập di chúc phải tự nguyện, minh mẫn khi lập di chúc, không bị lừa dối hoặc cưỡng ép;</li><li>3. Nội dung và hình thức không được trái pháp luật, đạo đức xã hội</li></ol>
Hình thức di chúc	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Văn bản</li><li>2. Miệng</li></ol>
DC hiệu lực	<ol style="list-style-type: none"><li>1. từ thời điểm mở thừa kế</li></ol>
Người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Cha, mẹ,</li><li>2. Vợ, chồng,</li><li>3. Con chưa thành niên,</li><li>4. Con đã thành niên mất khả năng lao động</li></ol>



## • ***Hiệu lực của di chúc***

- **Có hiệu lực** kể từ thời điểm mở thừa kế (nếu có nhiều bản di chúc mà nội dung phủ định nhau thì di chúc sau cùng có hiệu lực PL )
  - **Vô hiệu** (toàn bộ hoặc 1 phần):
    - Người thừa kế chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập DC; cơ quan tổ chức không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế;
    - Di sản không còn vào thời điểm mở thừa kế;
- Di chúc vô hiệu 1 phần → các phần khác vẫn có hiệu lực.
- (Điều 643 BLDS)**



**•Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc**

<b>Căn cứ</b>	<b>Điều 644 BLDS 2015</b>
<b>Đối tượng</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ chồng người chết</li><li>- Con đã thành niên mà không có khả năng lao động</li></ul>
<b>Điều kiện</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Người lập di chúc không cho hưởng, hoặc</li><li>- Cho hưởng ít hơn 2/3 một suất thừa kế theo pháp luật.</li></ul>
<b>Mức hưởng</b>	2/3 một suất thừa kế theo pháp luật
<b>Ngoại lệ (ko hưởng, ko được hưởng)</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối tượng được hưởng là người từ chối nhận di sản (<b>Điều 620</b>),</li><li>- Đối tượng được hưởng là người không có quyền hưởng di sản (<b>Khoản 1 Điều 621</b>)</li></ul>



## • **Những trường hợp TK theo PL**

Thừa kế theo PL được **áp dụng trong những trường hợp** sau:

- ☐ Không có di chúc;
- ☐ Di chúc không hợp pháp (vô hiệu);
- ☐ Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế;
- ☐ Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền nhận di sản. **(Khoản 1 Điều 650)**

## *Thừa kế theo pháp luật*



### Hàng thừa kế thứ 1:

- Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

### Hàng thừa kế thứ 2:

- Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

### Hàng thừa kế thứ 3:

- Cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.



## • ***Thừa kế thế vị***

*Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.*

**(Điều 652 BLDS)**



## Thừa kế theo di chúc và PL?

- ❑ Ông K, lúc minh mẫn có nói với các con cháu: “Tao gần đất xa trời, chẳng sống được bao lâu nữa. 50 cây vàng chôn trong vườn để lại cho thằng cháu đích tôn, 1 tỷ USD gửi ở ngân hàng tao để lại cho thằng Cả; căn biệt thự tại Sala tao để lại cho thằng Út..”. 2 tháng sau, ông K ăn bún riêu bị ngộ độc chết.
- ❑ Anh T, 30 tuổi, bị tai nạn giao thông chết mà không kịp để lại di chúc. Tất cả tài sản của riêng anh gồm tiền mặt, xe hơi, nhà đất... tổng giá trị là 10 tỷ. Người thân của anh đã tự chia tài sản, bố mẹ và anh trai anh T đã lấy phần lớn số tài sản đó (9 tỷ), chỉ chia cho vợ và con anh T phần tài sản nhỏ (1 tỷ).



## Một số q/định chung về thừa kế

- Thời điểm mở TK: thời điểm mà người để lại di sản chết. **(Khoản 1 Điều 611 BLDS)**
- Địa điểm mở TK: nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản, nếu không xác định được thì là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản TK. **(Khoản 2 Điều 611 BLDS)**
- ***Người quản lý di sản*** **(Điều 616 BLDS)**
- ***Thời hiệu khởi kiện thừa kế*** **(Điều 623 BLDS)**



## 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



### 2.3 Chế định về hợp đồng dân sự

xác lập, thay đổi, chấm dứt  
quyền và nghĩa vụ dân sự

**BÊN A**



**BÊN B**

**CHỦ**  **THỂ**

*miệng*



*văn bản*

Điều khoản cơ bản

Điều khoản thông thường

Điều khoản tùy nghi

# 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự

## 2.3 Chế định về hợp đồng dân sự

### Chủ thể

- Cá nhân

- + Cá nhân từ đủ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi: chỉ được phép tham gia quan hệ HĐDS nhưng phải được sự đồng ý của ba mẹ hoặc người giám hộ trừ trường hợp hđ có giá trị nhỏ phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày thì không cần sự đồng ý.
- + Cá nhân từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có tài sản riêng đủ để thanh toán nghĩa vụ thì được giao kết hđ mà không cần phải được người đại diện theo PL đồng ý, trừ trường hợp PL quy định phải đủ 18 tuổi.
- + Cá nhân đủ 18 tuổi trở lên: có quyền giao kết HĐDS và tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ.

- Pháp nhân



## 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



### 2.3 Chế định về hợp đồng dân sự

#### Trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng

- Khái niệm
- Các loại trách nhiệm
- Bồi thường thiệt hại

# 2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự



## 2.4 Trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng

### ➤ Khái niệm

- Là trách nhiệm của người có hành vi trái pháp luật
- Gây thiệt hại cho chủ thể khác
- Phải bồi thường

### ➤ Điều kiện phát sinh trách nhiệm

- Có thiệt hại xảy ra
- Hành vi gây ra thiệt hại là trái pháp luật
- Tính có lỗi của người gây ra thiệt hại
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại đã xảy ra

### ➤ Nguyên tắc bồi thường

- Người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ và kịp thời
- Trường hợp giảm mức bồi thường
- Thay đổi mức bồi thường khi không còn phù hợp

## Tình huống 1:

Nguyễn Văn Trung là sinh viên năm thứ ba. Do nhu cầu của việc học tập, Trung cần phải có một bộ máy tính. Qua bạn bè giới thiệu, Trung đã mua bộ máy tính của Trần Quỳnh Lâm - một thanh niên ở gần xóm trọ của Trung với giá 2 triệu đồng. Sau khi sử dụng một thời gian, máy bị hỏng phải sửa chữa và nâng cấp, tổng chi phí là 1,5 triệu đồng. Một tháng sau, công an phường đã yêu cầu Trung giải trình về bộ máy vi tính đã mua của Lâm và đây là tang vật của một vụ trộm cắp tài sản của Nhà nước.

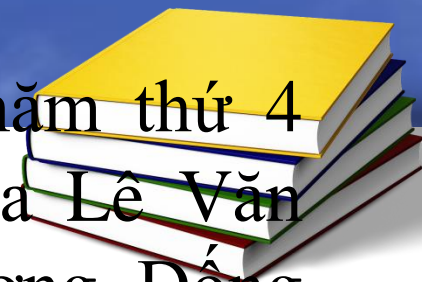
Theo anh (chị), trong tình huống trên vụ việc của Trung sẽ được giải quyết như thế nào?



## Tình huống 2

Tháng 3/2004, Nguyễn Phong, sinh viên năm thứ 4 trường Đại học Ngoại Thương đã mua của Lê Văn Hải, quê ở Hải Phòng, tạm trú tại Láng Thương, Đống Đa, Hà Nội chiếc xe máy Atila không có giấy đăng ký chủ sở hữu với trị giá 9 triệu đồng. Tuy nhiên, việc mua bán không có giấy tờ chuyển nhượng và cũng không có sự xác thực của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi mua, Phong đã đầu tư sửa chữa với tổng giá trị 8 triệu đồng. Tháng 5/2005, chiếc xe trên đã bị công an quận Đống Đa thu giữ và đây là chiếc xe do Lê Văn Hải trộm cắp của chị Nguyễn Minh hiền.

Anh (chị) hãy xác định hậu quả pháp lý phải áp dụng với giao dịch trên của Ngô Phong dựa vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015



### Tình huống 3:

Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1970 tại Quỳnh Phụ, Thái Bình, hiện đang là kỹ sư Công ty đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Trong thời gian đi làm Dũng đã tiết kiệm được số tiền là 8.000.000 đ và đã dùng số tiền trên để mua một chiếc xe máy, vì thiếu tiền nên Dũng đã phải vay thêm của Nguyễn Văn Nam bạn cùng công ty với Dũng số tiền 3.000.000 đ. Ngày 25/3/2003, Dũng đã mua được chiếc xe máy Dream của anh Tân cùng cơ quan với mình nhưng Dũng vẫn còn nợ anh Tân 1.000.000 đ. Sau khi hợp đồng mua bán được xác lập, anh Dũng và anh Tân đã đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2003, Nam đã mượn chiếc xe máy của Dũng để đi chơi và đã đem chiếc xe máy đó đi cầm đồ để lấy tiền đánh bạc.

Theo anh (chị), Nam có quyền cầm cố chiếc xe máy Dream đó không? Tại sao?

Ai có quyền sở hữu đối với chiếc xe máy đó? Quyền sở hữu đối với chiếc xe máy được thể hiện như thế nào?



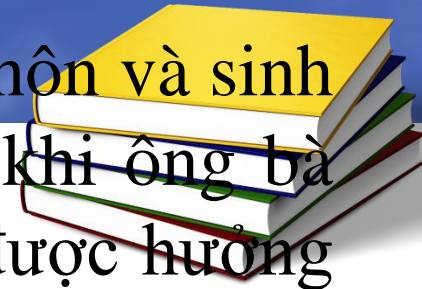


## Tình huống 4:

Ông Nguyễn Văn Hà và Trần Thị Lan kết hôn và sinh được hai người con là Hào và Hiền. Sau khi ông bà qua đời để lại di chúc, trong đó anh Hào được hưởng di sản gồm: một căn nhà trị giá 1,5 tỷ đồng; anh Hiền được hưởng di sản gồm: một căn nhà trị giá 2 tỷ đồng. năm 1990, anh Hào kết hôn với chị Ngân và sinh được 02 cháu là Hải và Linh.

Tháng 5/2005, Hào và Hiền cùng đi đám cưới, trên đường về họ đã gặp tai nạn và cả hai cùng qua đời. Trước khi chết, không để lại di chúc.

Anh (chị) hãy chia di sản thừa kế của anh Hào và anh Hiền trong tình huống trên dựa vào các quy định của Bộ luật Dân sự 2015.





## Tình huống 5:



Ông Thành kết hôn với bà Hương và có 03 người con: Dũng, Hiệp và Nghĩa. Anh Dũng kết hôn với chị Hà và sinh được hai cháu Lâm và Mai. Anh Hiệp kết hôn với chị Liên sinh được cháu Hùng, anh Nghĩa chưa có gia đình. Tháng 9/1998, anh Dũng bị tai nạn lao động và qua đời. Năm 2006, ông Thành qua đời và để lại di sản trị giá 3,2 tỷ đồng và không có di chúc.

Anh (chị) hãy chia di sản thừa kế của ông Thanh theo các quy định của pháp luật về thừa kế

## Tình huống 6:

Bà Yến và ông Thanh kết hôn sinh được ba người con là chị Giang, anh Phúc, chị Hạnh. Anh Phúc lấy vợ và sinh được hai con là Hùng và Huy. Tháng 9/2006, ông Thanh và anh Phúc bị tai nạn và cả hai đều qua đời cùng một lúc. Ông Thanh để lại di sản thuộc sở hữu cá nhân là khoản tiền 600 triệu gửi ngân hàng. Trước đó, ông Thanh có viết di chúc xã định chia cho chị Giang 150 triệu, chị Hạnh 150 triệu, anh Phúc 300 triệu còn bà Yến không được hưởng di sản.

Anh (chị) hãy chia khối di sản thừa kế của ông Thanh theo các quy định của pháp luật về thừa kế

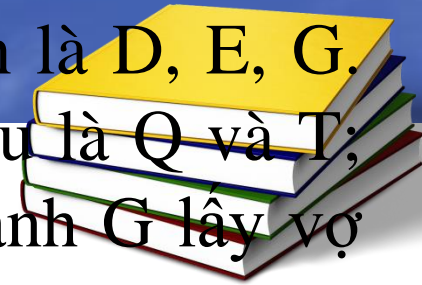


## Tình huống 7:

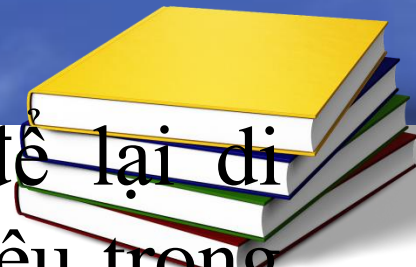
Ông A kết hôn với bà B, sinh được các con là D, E, G. Anh D kết hôn với chị X sinh được hai cháu là Q và T; chị E lấy chồng sinh được con là H và N; anh G lấy vợ sinh được cháu L.

Tháng 6/2006, ông A qua đời và để lại di chúc cho D và X thừa hưởng toàn bộ số tài sản của mình. Chị E và G đã làm đơn yêu cầu tòa án chia lại khối tài sản ông A để lại. Qua điều tra, Tòa xác định ông A để lại di chúc trong lúc bị mắc bệnh tâm thần. Do vậy, di sản của ông A để lại được chia theo pháp luật.

Dựa vào các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, anh (chị) cho biết việc chia di sản theo pháp luật trong trường hợp trên là đúng hay sai? Tại sao? Nếu đúng hãy xác định hàng thừa kế trong mối quan hệ trên?



## Tình huống 8:



Ngày 1/1/2006, ông A qua đời và để lại di chúc trong đó quyết định chia 500 triệu trong phần si sản để lại cho C là cháu của ông A (lúc đó chưa ra đời).

Ngày 1/6/2007, C chào đời.

Dựa vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, anh (chị) cho biết C có được hưởng di sản theo di chúc mà ông A đã để lại hay không? Tại sao?

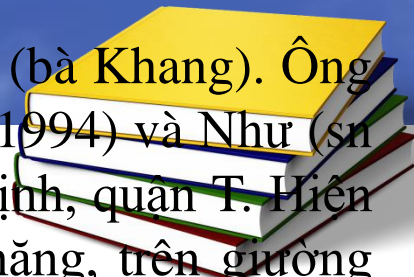
## Tình huống 9:

Ông An có 02 con trai là Thịnh và Vượng với người vợ trước (bà Khang). Ông An tiếp tục kết hôn với bà Vạn, họ có 02 người con là Sự (sn 1994) và Như (sn 1995). Ông An và bà Vạn mua được căn nhà tại 42 Trương Định, quận T. Hiện nay căn nhà vừa ở vừa cho thuê. Năm 2015, ông An bệnh nặng, trên giường bệnh, trước mặt các con, ông An tuyên bố cho Sự (con trai út bị tai nạn không còn khả năng lao động) căn nhà số 42 này. Ông nói: “Thịnh, Vượng đã lớn có gia đình ổn định, Như là con gái sẽ theo chồng, chỉ Sự ốm yếu nhất nên ông cho Sự căn nhà đang ở”. Lúc đó có sự chứng kiến của Bác sĩ điều trị cho ông.

Sau khi ông An qua đời, lo hậu sự cho ông xong, Thịnh đề nghị bà Vạn bán căn nhà số 42 của cha để lấy tiền chia đều thành 05 phần (bà Vạn và 04 anh em), Thịnh nói rằng bà Vạn chỉ ở nhà nội trợ. Căn nhà này là tiền của cha anh mua nên Thịnh yêu cầu bà Vạn bán căn nhà lấy tiền chia đều. Bà Vạn không đồng ý, bà bảo: ông An đã tuyên bố cho Sự căn nhà này rồi, có Bác sĩ làm chứng, chính vì vậy, căn nhà trên là của bà và Sự, không ai có quyền bán. Được biết, căn nhà này trị giá 20 tỷ.

Căn cứ quy định của pháp luật, bạn hãy:

1. Xác định di sản của ông An?
2. Lời nói của ông An có phải là di chúc miệng hay không? Tại sao?
3. Hãy chỉ thừa kế di sản của ông An?





**THANK YOU!**